guó wài

国外

s · abroad

Example Sentences

tā zài guó wài zuò shēng yì
他在国外做生意。

He does business abroad

zuì fàn shì tú táo wáng dào guó wài
罪犯试图逃亡到国外。

The criminal attempted to flee abroad

yí mā cóng guó wài lái kàn wǒ men
姨妈从国外来看我们。

My aunt came from abroad to visit us.

Trace each character, then write the word on your own.

国 国 国 国 国 国 国 国 国 国 国

外 外 外 外 外 外 外 外